

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 723/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC –THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ
2/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hơ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức ,
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2017/TLST – HNGĐ ngày 14/6/2017 về tranh chấp ly hôn (không đăng ký kết hôn), theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Sơn C.

Thường trú: Khu phố L., thị trấn C., huyện T., tỉnh Phú Yên.

Cư trú: 648 Tỉnh lộ X., khu phố Y., phường T., quận T., Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc D.

Thường trú: 14 đường L., khu phố X, phường T., quận T., Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 648 Tỉnh lộ X., khu phố Y., phường T., quận T., Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Phạm Sơn C. là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Huỳnh Quốc D. tự nguyện chung sống với

nhau như vợ chồng từ năm 2016, không có tổ chức hôn lễ và cũng không có đăng ký kết hôn, lý do điều kiện gia đình bà ở xa nên cả hai chưa có điều kiện để tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi lập gia đình đôi bên sống tự lập tại nhà số 648 Tỉnh lộ X., khu phố Y., phường T., quận T., quá trình sống chung chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D. thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong đó có việc chăm sóc con chung nên thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Mặc dù vẫn còn sống chung một nhà nhưng tình cảm thực sự đã không còn, chỉ sống chung với nhau để cùng chăm sóc con chung. Xét thấy tình cảm không còn, do đó bà có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có một người con chung tên Huỳnh Quốc T., sinh ngày 30/11/2016. Sau khi ly hôn do điều kiện kinh tế của bà khó khăn và phải về quê sinh sống nên bà tự nguyện giao người con chung cho ông D. trực tiếp nuôi dưỡng, bà xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa ông Huỳnh Quốc D. là bị đơn trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của bà Phạm Sơn C., lý do ông và bà C. sống chung mà không đăng ký kết hôn vì điều kiện gia đình hai bên ở xa. Tuy nhiên trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên cho đến nay cả hai vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo ông nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Trong thời gian mâu thuẫn tuy cả hai vẫn còn sống chung một nhà nhưng tình cảm thực sự đã không còn, chỉ sống chung để cùng có trách nhiệm chăm sóc con chung. Nay ông xác định tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà C..

Về con chung: Có một người con chung tên Huỳnh Quốc T., sinh ngày 30/11/2016. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung; việc cấp dưỡng nuôi con chung ông tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa bà Phạm Sơn C. xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông D. cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C..

Về con chung: Cả hai thống nhất sau khi ly hôn ông D. sẽ trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Quốc T., sinh ngày 30/11/2016, việc cấp dưỡng nuôi con chung ông D. tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Ông Huỳnh Quốc D. và bà Phạm Sơn C. tự nguyện chung sống vào năm 2016 không hỏi cưới và không có đăng ký kết hôn. Hiện tại ông D. đang sinh sống và cư trú tại phường T., quận T., xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung của vợ chồng không mang lại hạnh phúc, bà C. là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Sơn C., Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phạm Sơn C. và ông Huỳnh Quốc D. tự nguyện chung sống vào năm 2016, cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính theo lời trình bày đôi bên là do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, trong đó có việc chăm sóc và nuôi dưỡng người con chung, mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng cả hai đã sống ly thân. Xét hôn nhân của ông D. và bà C. kéo dài từ năm 2016 cho đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn, thời điểm này Luật Hôn nhân và gia đình đã có hiệu lực, nhưng cả hai không thực hiện việc đi đăng ký kết hôn, mặc dù đã chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đi đăng ký kết hôn, thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng, căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần phải xét xử theo hướng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Quốc D. và bà Phạm Sơn C.

[3] Về con chung: Ghi nhận việc đôi bên thống nhất giao ông Huỳnh Quốc D. trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Quốc T., sinh ngày 30/11/2016, việc cấp dưỡng nuôi con chung ông D. tự nguyện không yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai trình bày không có nên hội đồng xét xử không xét

[5] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Phạm Sơn C. phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng bà C. đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015608 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Phạm Sơn C. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147 Khoản 1 Điều 273, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Sơn C. và ông Huỳnh Quốc D..

b-/ Về con chung: Ghi nhận việc đôi bên thống nhất giao ông Huỳnh Quốc D. trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Quốc T., sinh ngày 30/11/2016, việc cấp dưỡng nuôi con chung ông D. tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Phạm Sơn C. phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng bà C. đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015608 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Phạm Sơn C. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q. Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu

